

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST
Ngày : 12-6-2020
V/V “Ly hôn giữa bà D và ông G
nuôi con chung”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bon.

Bà Võ Thị Kim Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 77/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HN ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ D. Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Trương Công G. Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-02-2020 và trong quá trình xét xử, bà Nguyễn Thị Mỹ D là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Trương Công G chung sống với nhau từ năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú L. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nhau, ông G không lo cho kinh tế gia đình để một mình bà gánh vác. Bà và ông G không sống chung với nhau từ tháng 8 năm 2018. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông G.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung tên Trương Công V, sinh ngày 29/4/2011. Hiện con đang sống với bà, khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, ông G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà D yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian tính từ tháng 6 năm 2020.

Tại biên bản hòa giải ngày 12/6/2020 ông Trương Công G là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của bà D về điều kiện kết hôn là đúng và mâu thuẫn vợ chồng chỉ đúng một phần, nay bà D yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về nuôi con chung: Trường hợp phải ly hôn, ông yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu bà D phải cấp dưỡng nuôi con chung, hiện ông đã có nhà ở riêng.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bà D yêu cầu ly hôn với ông G được quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Ông G vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà D và ông G có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà D yêu cầu ly hôn với ông G, ông G đồng ý ly hôn, xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà D, ông G không còn, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại các điều 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần cho bà D ly hôn với ông G.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung tên Trương Công V, sinh ngày 29/4/2011. Hiện con đang sống với bà D, khi ly hôn bà D yêu cầu nuôi con, yêu cầu ông G phải cấp dưỡng nuôi con hằng tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông G yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu bà D phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Công V hiện đang sống cùng với bà D từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay, để giữ ổn định về mọi mặt cũng như điều kiện chăm sóc con chung nên cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con của bà D, cần giao con chung tên Công V cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của bà D và Công V. Đồng thời, cần buộc ông G phải cấp dưỡng nuôi con hằng tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2020 theo quy định Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Ông G phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 09, 19, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Mỹ D ly hôn với ông Trương Công G.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trương Công V, sinh ngày 29/4/2011 cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng (hiện con đang sống với bà D), ông G phải cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 1.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2020.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Không ai được lợi dụng việc thăm nom con hoặc việc trực tiếp nuôi con để cản trở việc nuôi con hoặc việc thăm nom con, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên còn lại. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí:

Bà D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà bà D đã nộp theo biên lai thu số 0000312 ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ông G phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh.
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự.
- UBND xã Thanh Phú L.
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí